

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BÌNH THÀNH**

PHỤ LỤC II

THỐNG KÊ NHIỆM VỤ, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, PHÂN BỐ NGUỒN LỰC VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Kèm theo Công văn số /UBND-VP ngày 24/6/2026 của UBND xã Bình Thành)

STT	Nội dung	Chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng			
				Khối Đảng	Khối HĐND	Khối UBND	Khối MTTQ
1	CẤP TỈNH						
2	CẤP XÃ						
2.1	Nhiệm vụ, thủ tục cấp xã						
2.1.1	Nhiệm vụ cấp xã	Số lượng nhiệm vụ cấp xã đang được phân giao thực hiện	Nhiệm vụ				3
2.1.2	Thủ tục hành chính cấp xã	Số TTHC đang thực hiện	TTHC	4	0	415	0
		Số TTHC trực tuyến	TTHC	4	0	393	0
		Tỷ lệ TTHC trực tuyến/tổng số TTHC đang thực hiện	%			94,69	
		<i>Trong đó:</i> - Toàn trình	TTHC			240	
		- Một phần	TTHC			153	
		Số TTHC không trực tuyến	TTHC			22	
2,2	Nguồn lực cấp xã						
2.2.1	Nguồn nhân lực	Số biên chế cấp xã được giao năm 2026	Người		3	33	8
		Số cán bộ, công chức cấp xã hiện có mặt	Người	12	3	24	6
		<i>Trong đó:</i>					
		- Có trình độ chuyên môn và năng lực phù hợp và đáp ứng yêu cầu trở lên	Người	12	3		6
		- Có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn tương đối phù hợp, cần tiếp tục đào tạo	Người	0	0		0
		- Có trình độ chuyên môn và năng lực thực tiễn không phù hợp với VTVL	Người	0	0		0
2.2.2	Tài chính	Dự toán chi thường xuyên ở cấp xã (từ 01/7/2025 đến nay)	Tỷ đồng			14,6	
		Tỷ lệ giải ngân	%			66,8	
		Dự toán chi đầu tư công ở cấp xã (từ 01/7/2025 đến nay)	Tỷ đồng			0,15	
		Tỷ lệ giải ngân	%			73	
2,3	Chuyển đổi số						

2.3.1	Hạ tầng	Số lượng máy tính, laptop, máy tính bảng, máy photocopy, máy in, máy scan được trang bị cho cấp xã	Thiết bị	29	3 máy tính	Máy tính = 30; máy in = 25; máy photo = 2; máy scan = 7	6
		Số lượng máy tính, laptop, máy tính bảng, máy photocopy, máy in, máy scan còn thiếu so với nhu cầu của cấp xã	Thiết bị	3 scan	2 máy scan	5	2
		Số trạm 5G trên địa bàn xã	Trạm				
		Đường truyền đáp ứng được bao nhiêu % so với yêu cầu	%	100%	100	86,66	100
		Đã đầu tư hệ thống máy chủ hay chưa (<i>đánh dấu X nếu có đối với từng khối, nếu dùng chung cho nhiều khối thì đánh dấu vào tất cả các khối</i>)		0	0	0	0
		Đã xây dựng bao nhiêu phần mềm cho các cơ quan, đơn vị ở cấp xã	Phần mềm	0	0	Phần mềm dùng chung Tỉnh, TW	0
		Tỷ lệ phần mềm đã xây dựng đáp ứng yêu cầu	%	0	0	0	0
2.3.2	Dữ liệu	Số hệ thống cơ sở dữ liệu cấp xã đã và đang tự xây dựng	CSDL	0	0	0	0
		<i>Trong đó: tỷ lệ CSDL đã hoàn thành</i>	CSDL	0	0	0	0
		Số hệ thống cơ sở dữ liệu đã kết nối vào hệ thống dùng chung của tỉnh	CSDL	0	0	5	0
		Lượng dữ liệu đã số hóa lưu trữ	Mét dữ liệu	0	0	0	0
		<i>Trong đó: - Dữ liệu mật</i>	%	0	0	0	0
		<i>- Dữ liệu không mật</i>	%	0	0	0	0
2.3.3	Bảo mật	% máy tính được cài phần mềm Microsoft office, windows có bản quyền	%	0	0	0	0
		Số % máy tính được các phần mềm bảo mật (diệt virus có bản quyền, chống thất thoát dữ liệu DLP, giám sát thiết bị...)	%	12	3	0	0
		Số USB lưu trữ do Ban cơ yếu Chính phủ cấp cho các cơ quan, đơn vị cấp xã	USB	1	1	1	1
		Đạt bao nhiêu % so với nhu cầu USB lưu trữ ở cấp xã	%	100%	100	100	100
		Số USB chữ ký số do Ban cơ yếu Chính phủ cấp cho các cơ quan, đơn vị cấp xã	USB	12	2	30	5
		Đạt bao nhiêu % so với nhu cầu USB chữ ký số ở cấp xã	%	100%	66,6	0	83,3
2.3.4	Tài chính cho CDS	Nhu cầu ngân sách cấp xã cho CDS năm 2026	Tỷ đồng	0,22	0,38	0,142	
		Dự toán chi ngân sách cấp xã cho CDS năm 2026	Tỷ đồng	0	0	0,142	

2.3.5	Nhân lực CDS	Trong đó: - Chi thường xuyên cho CDS	Tỷ đồng	0	0	0	
		- Chi đầu tư phát triển cho CDS	Tỷ đồng	0	0	0	
		Tỷ lệ giải ngân năm 2026 cho CDS	%	0	0	0	
		Trong đó: - Tỷ lệ giải ngân chi thường xuyên cho CDS	%	0	0	9,79	
		- Tỷ lệ giải ngân chi đầu tư phát triển cho CDS	%	0	0	0	
		Biên chế về CNTT được giao năm 2026	Người	1	0	1	
		Biên chế về CNTT có mặt	Người	0	0	0	0
		Còn thiếu bao nhiêu so với nhu cầu biên chế về CNTT ở cấp xã	Người	1	0	1	1
		Số cán bộ có chuyên môn về CNTT (tốt nghiệp đại học chính quy về các ngành liên quan đến CNTT)	Người	0	0	0	0

Cán bộ lập biểu:

Liên hệ:

Đầu mối cung cấp

Nguyễn Thị Dung

0869.645.123

Khối Đảng: Dương Văn Hợp, 0398307688

Khối HĐND: Nguyễn Thị Dung, 0869645123

Khối UBND xã: Đường Ngọc Duy, 0869646123

Khối UBMTTQ: Hoàng Văn Đường, 0988800166